



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 5 năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1
II. TÊN, LOẠI HÌNH, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, loại hình, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện thời hạn hoạt động và tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty.	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	2
III. NGÀNH NGHỀ VÀ LĨNH VỰC KINH DOANH.....	2
Điều 4. Ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty	2
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	5
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	5
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu	6
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông.....	7
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần	8
Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	9
Điều 12. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	9
Điều 13. Cổ phiếu quỹ	10
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.....	10
Điều 14. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát của Công ty	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	10
Điều 15. Quyền của cổ đông	10
Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 17. Đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức	13
Điều 18. Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 19. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 20. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 21. Thay đổi các quyền	20
Điều 22. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 23. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 24. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 25. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	25



Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

Điều 26. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 27. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 28. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	28
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	29
Điều 29. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 30. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	30
Điều 31. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	31
Điều 32. Các cuộc họp Hội đồng quản trị	34
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	38
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	38
Điều 34. Người quản lý	38
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	39
Điều 36. Thư ký Công ty	40
IX. BAN KIỂM SOÁT	40
Điều 37. Thành viên Ban Kiểm soát	40
Điều 38. Ban Kiểm soát	42
X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	43
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng	43
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	43
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	45
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	45
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	45
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	46
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn	46
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	46
Điều 44. Phân phối lợi nhuận	46
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	47
Điều 45. Tài khoản ngân hàng	47
Điều 46. Năm tài chính	47
Điều 47. Chế độ kế toán	47
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	48
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	48

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

Điều 49. Báo cáo thường niên	48
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	48
Điều 50. Kiểm toán.....	48
XVII. CON DẤU	49
Điều 51. Con dấu	49
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	49
Điều 52. Chấm dứt hoạt động.....	49
Điều 53. Gia hạn hoạt động	49
Điều 54. Thanh lý	50
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	50
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	50
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	51
Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	51
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	51
Điều 57. Ngày hiệu lực.....	51
PHỤ LỤC I	52

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty cổ phần PGT Holdings (“Công ty”) được Đại hội đồng cổ đông thông qua hợp lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ/ĐHCD ngày 18 tháng 5 năm 2026.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. “*Vốn điều lệ*” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Công ty và được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;
- b. “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);
- c. “*Luật Chứng khoán*” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);
- d. “*Ngày thành lập*” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu, nghĩa là ngày 06/09/2007;
- e. “*Người quản lý*” hoặc “*Cán bộ quản lý*” là Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT (nếu có), Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
- f. “*Thành viên HĐQT không điều hành*” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
- g. “*Thành viên HĐQT độc lập*” là thành viên độc lập HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
- h. “*Người có liên quan*” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
- i. “*Thời hạn hoạt động*” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
- j. “*Pháp luật*” là toàn bộ hệ thống pháp luật của Việt Nam;
- k. “*Công ty*” là từ gọi tắt của Công ty cổ phần PGT Holdings;
- l. “*ĐHĐCD*” là từ viết tắt của cụm từ Đại hội đồng cổ đông;
- m. “*HĐQT*” là từ viết tắt của cụm từ Hội đồng quản trị;
- n. “*BKS*” là từ viết tắt của cụm từ Ban Kiểm soát;
- o. “*Việt Nam*” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.



Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, LOẠI HÌNH, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, loại hình, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện thời hạn hoạt động và tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty.

1. Tên Công ty

Tên Công ty là tên được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất của Công ty và có thể được thay đổi theo quyết định của HĐQT. Tên Công ty hiện tại như sau:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS
- Tên tiếng Anh: PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: PGT HOLDINGS.

2. Loại hình Công ty: Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Địa chỉ trụ sở đăng ký và thông tin liên hệ của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở: Lầu 12 Tòa nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Thông tin liên hệ của Công ty như: số điện thoại, số fax, email, website như thể hiện trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất của Công ty và những thông tin này có thể được thay đổi theo quyết định của HĐQT.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty theo quyết định của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Trừ khi Công ty chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

6. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49%.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có một đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ công ty.

III. NGÀNH NGHỀ VÀ LĨNH VỰC KINH DOANH

Điều 4. Ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty

1. Công ty được tự do đầu tư, kinh doanh những ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh mà pháp luật không cấm phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

2. Ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty như đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và có thể thay đổi, bổ sung theo quyết định của ĐHĐCĐ. Hiện nay, ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	In ấn Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến sản xuất (Mã CPC: 884, 885)	1811
2	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công cơ khí (không hoạt động tại trụ sở).	2592
3	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy làm bột giấy; Sản xuất máy làm giấy và giấy bìa; Sản xuất máy sấy gỗ, bột giấy, giấy và giấy bìa; Sản xuất máy sản xuất các sản phẩm từ giấy và giấy bìa; Sản xuất máy làm cao su mềm hoặc nhựa hoặc cho sản xuất sản phẩm của những nguyên liệu này như: Máy đẩy, đúc, bơm hơi lốp hoặc máy đắp lại lốp xe và các máy khác cho việc làm sản phẩm nhựa hoặc cao su đặc biệt; Sản xuất máy in, máy đóng sách và máy cho hoạt động hỗ trợ in, bao gồm máy cho in dệt và các nguyên liệu khác; Sản xuất máy sản xuất chất bán dẫn; Sản xuất người máy công nghiệp cho các mục đích khác nhau	2829
4	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán ô tô	4511
5	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bảo dưỡng và sửa chữa xe các loại. Thi công, cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.	4520
6	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Mua bán hàng nông lâm sản (trừ gạo, đường mía và đường củ cải) (không bán buôn nông sản tại trụ sở)	4620
7	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Mua bán hàng thủy sản, lương thực thực phẩm (trừ gạo, đường mía và đường củ cải) (Không hoạt động tại trụ sở).	4632
8	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn rượu, bia, nước giải khát, sữa (không kinh doanh dịch vụ ăn-uống) (Mã CPC: 622)	4633
9	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất	4663

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

10	Bán buôn chuyển doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống) (Mã CPC: 622)	4669
11	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Bán buôn nước hoa, nước thơm, dầu thơm; - Bán buôn hàng mỹ phẩm: son, phấn, kem dưỡng da và trang điểm, mỹ phẩm dùng cho mắt; - Chế phẩm vệ sinh: xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi, khăn giấy, tã giấy, giấy vệ sinh; - Bán buôn đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ; - Bán buôn đồ dùng gia đình bằng thủy tinh. - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ, song, mây và vật liệu khác; - Bán buôn đồ dùng nội thất tương tự như: giá sách, kệ bằng gỗ, song, mây và vật liệu khác. - Bán buôn văn phòng phẩm. - Bán buôn thiết bị, dụng cụ thể dục; - Bán buôn thiết bị, dụng cụ thể thao. - Bán buôn đồ kim chỉ: kim, chỉ khâu; - Bán buôn ô dù; - Bán buôn dao, kéo; - Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp; Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; - Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi; Bán buôn dụng cụ y tế, Bán buôn vật tư y tế tiêu hao như: bông, băng, gạc, găng tay, khẩu trang, dụng cụ cứu thương, kim tiêm, Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: máy đo huyết áp, máy trợ thở, máy trợ thính.	4690
12	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lông thú; Bán lẻ phụ kiện hàng may mặc khác như găng tay, khăn, nút thắt, cà vạt, dây đeo quần; Bán lẻ giày, dép; Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da	4771
13	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.	4772
14	Vận tải hàng khách đường bộ khác Chi tiết: Dịch vụ vận tải hành khách (Mã CPC: 7121 + 7122)	4932
15	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Cho thuê kho.	5210
16	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn đạt tiêu chuẩn sao (không hoạt động tại trụ sở).	5510
17	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

18	Lập trình máy vi tính	6201
19	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
20	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
21	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
22	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	7020 (Chính)
23	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (trừ thanh toán hồi phiếu, thông tin tỉ lệ lượng và tư vấn chứng khoán)	7490
24	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam (Mã CPC: 7471)	7912
25	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp Cung cấp dịch vụ hỗ trợ văn phòng hỗn hợp hàng ngày, như lễ tân, đánh máy, chuẩn bị tài liệu, gửi nhận thư (Mã CPC: Không có)	8211
26	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Cung cấp dịch vụ hỗ trợ văn phòng hỗn hợp hàng ngày, như lễ tân, đánh máy, chuẩn bị tài liệu, gửi nhận thư (Mã CPC: Không có)	8219
27	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
28	Đào tạo trung cấp Chi tiết: Đào tạo dạy nghề (Không hoạt động tại trụ sở).	8532
29	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học.	8560

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

- Vốn điều lệ của Công ty là **92.418.010.000 đồng** (bằng chữ: Chín mươi hai tỷ bốn trăm mười tám triệu không trăm mười nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 9.241.801 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.
4. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
5. Công ty được quyền chào bán cổ phần (chào bán cổ phiếu) theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành và xử lý cổ phần được mua lại theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ đông của Công ty được yêu cầu cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu theo quy định tại Điều này và Luật Doanh nghiệp.
2. Cổ phiếu phải có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của Công ty (nếu có) và theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần phải được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng. Mỗi cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Tùy thuộc vào quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên trong sổ đăng ký cổ đông đối với bất kỳ cổ phần và loại cổ phần nào, đều có quyền yêu cầu nhận một cổ phiếu miễn phí trong thời hạn 02 (hai) tháng (hoặc lâu hơn theo như điều khoản phát hành quy định) sau khi mua hoặc sau khi nhận chuyển nhượng.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một cổ phiếu ghi danh, cổ phiếu cũ sẽ bị hủy bỏ và cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp mới.
5. Trường hợp cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh rơi, mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp cổ phiếu mới với điều kiện phải nộp lại cho Công ty cổ phiếu cũ (trừ trường hợp bị mất) hoặc/và đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty theo quyết định của

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

HĐQT. Người nắm giữ cổ phiếu có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn cổ phiếu và Công ty không có bất kỳ trách nhiệm nào đối với việc hư hỏng, mất mát hoặc sử dụng cổ phiếu đó sai mục đích hoặc vi phạm pháp luật.

Đề nghị của cổ đông về việc cấp lại cổ phiếu phải có các nội dung sau đây:

- a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;
- b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, chủ sở hữu cổ phiếu phải đăng báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 7. Chứng khoán khác

Trái phiếu hoặc các chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập và lưu giữ tại Trung tâm lưu ký chứng khoán (“VSD”). Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán.
4. Trường hợp cổ đông có thay đổi bất kỳ nội dung nào về thông tin đăng ký trên Sổ đăng ký cổ đông thì phải thông báo kịp thời với Công ty hoặc/và VSD để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được hoặc/và không gửi được

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

thư từ, tài liệu cho cổ đông do địa chỉ, thông tin của cổ đông không đầy đủ hoặc Công ty không được thông báo thay đổi thông tin của cổ đông. Việc không thể liên lạc hoặc gửi thư, tài liệu đến cổ đông trong trường hợp này không làm ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ, lấy ý kiến cổ đông, gửi tài liệu cho cổ đông và hiệu lực của các Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp Điều lệ này và pháp luật có quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần hoặc có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
3. Việc chuyển nhượng cổ phần sẽ có hiệu lực ngay sau khi việc thanh toán chuyển nhượng cổ phần hoàn tất và cổ đông đã được ghi nhận trong sổ đăng ký cổ đông. Chỉ các cổ đông có tên trong Sổ đăng ký cổ đông mới được coi là cổ đông hợp pháp của Công ty. HĐQT có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng đối với bất kỳ cổ phiếu nào chưa được thanh toán đầy đủ.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thanh toán đến hạn của cổ phần, HĐQT có thể, vào bất kỳ thời điểm nào, thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền chưa thanh toán cùng với lãi suất chậm thanh toán trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ, đúng hạn gây ra.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), phương thức thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định của Luật Doanh nghiệp. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT cho là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp lại không còn tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ bằng 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ về việc tổ chức lại công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty) hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty sẽ mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Giá mua lại cổ phần là giá thị trường (giá giao dịch cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu công ty được niêm yết) tại thời điểm mua lại.

Điều 12. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 (mười hai) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định.
2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường trừ trường hợp Công ty và cổ đông có liên quan có thỏa thuận khác.
3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông trả lời, chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 13. Cổ phiếu quỹ

1. Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được chính Công ty mua lại. Tất cả các cổ phần được mua lại theo Điều 11, Điều 12 của Điều lệ này hoặc trong các trường hợp khác Công ty mua lại cổ phiếu đã phát hành phù hợp với quy định của pháp luật là cổ phiếu quỹ của Công ty.
2. Điều kiện thanh toán, trình tự, thủ tục, công bố thông tin liên quan đến việc mua lại cổ phiếu quỹ, bán cổ phiếu quỹ hoặc xử lý cổ phiếu quỹ được thực hiện theo Điều lệ này và các quy định của pháp luật về chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 14. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát của Công ty

1. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này theo mô hình hoạt động gồm: ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc.
2. ĐHĐCĐ có quyền quyết định thay đổi cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát của Công ty theo mô hình hoạt động gồm: ĐHĐCĐ, HĐQT và Giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.

Các thành viên độc lập thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty và từng thành viên HĐQT độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 15. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty (giá trị tính trên mệnh giá thị trường của các cổ phần mà từng cổ đông nắm giữ).

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự và phát biểu trong các ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành, trừ các trường hợp hạn chế chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật hiện hành;
- d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà từng cổ đông sở hữu;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến tên và địa chỉ cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;
- g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Điều lệ này và pháp luật liên quan;

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tổng số cổ phần phổ thông ngoài các quyền được nêu tại khoản 2 Điều này còn có các quyền sau:

- a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;
- b. Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- c. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả

N:030
CỔ
CỔ
GT H
PHO

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

4. Việc đề cử người vào HĐQT và BKS quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này được thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT hoặc người triệu tập họp ĐHĐCĐ về việc hợp nhóm và danh sách đề cử trước khi khai mạc ĐHĐCĐ ít nhất 14 ngày. Nếu không thông báo hợp lệ thì việc hợp nhóm là không có hiệu lực và không có quyền đề cử.
 - b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT và BKS. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT đề cử.
5. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất từ 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:
 - a. Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật này;
 - b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau đây:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.
2. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa theo các hình thức Điều lệ này quy định và phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp thông tin chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 17. Đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức phải cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền là cá nhân phù hợp với Điều lệ này để thực hiện các quyền và nghĩa vụ với tư cách cổ đông đối với Công ty, kể cả quyền tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.
2. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản hợp lệ. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - b. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
 - c. Cổ đông là công ty có phần vốn góp hay cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền;
 - d. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức không phải là người đang bị khởi tố, điều tra theo thủ tục tố tụng hình sự hoặc đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng chưa được xóa án tích; hoặc không phải là người đang có tranh chấp về quyền, lợi ích với Công ty hoặc với người quản lý của Công ty.
3. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục 06 (sáu) tháng trở lên có thể ủy quyền tối đa 03 (ba) người đại diện. Trường hợp cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 10% cổ phần phổ thông của Công ty hoặc từ 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên chưa đủ thời hạn liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên thì chỉ được cử tối đa 01 (một) đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông là tổ chức không cử đại diện theo ủy quyền phù hợp với Điều lệ này thì đại diện theo pháp luật của cổ đông đó sẽ nhân danh cổ đông đó để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông (nếu có nhiều đại diện theo pháp luật thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo pháp luật).
4. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

theo ủy quyền. Các đại diện theo quyền của cùng một cổ đông là tổ chức có quyền có các ý kiến khác nhau đối với cùng một vấn đề tương ứng với số cổ phần mà mình đại diện.

5. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với công ty kể từ ngày công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
 - b. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;
 - d. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
 - e. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và dấu của cổ đông (nếu có) và của người đại diện theo ủy quyền.

Việc chỉ định đại diện theo ủy quyền không phù hợp với quy định này được xem là không hợp lệ và không xác lập tư cách đại diện theo ủy quyền của những người được chỉ định. Cổ đông phải tự chịu trách nhiệm và hậu quả về việc cử đại diện theo ủy quyền không hợp lệ, không đúng quy định.

6. Người đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông là tổ chức nhân danh cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Công ty có quyền căn cứ vào thông tin trong văn bản ủy quyền để thu xếp các hoạt động của Công ty (bao gồm việc xác định tỷ lệ tham dự tối thiểu cho cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc biểu quyết để thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ). Cổ đông sẽ bị ràng buộc bởi việc thực hiện hoặc không thực hiện của đại diện theo ủy quyền được chỉ định hợp lệ của mình và mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại ĐHĐCĐ đều không có hiệu lực đối với Công ty và bên thứ ba, trừ khi giới hạn đó được nêu rõ trong văn bản ủy quyền.
7. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của ĐHĐCĐ; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông ủy quyền. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông ủy quyền; cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 18. Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có thể gia hạn thời gian triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. HĐQT tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền được mời các kiểm toán viên độc lập tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm; các luật sư có thể được mời tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ (thường niên hoặc bất thường) để tư vấn các vấn đề có tính pháp lý tại cuộc họp ĐHĐCĐ; các thừa phát lại có thể được mời tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ (thường niên hoặc bất thường) để lập vi bằng về cuộc họp ĐHĐCĐ. Trong trường hợp cần thiết, người triệu tập ĐHĐCĐ có thể mời các khách mời khác tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ.
3. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo 06 (sáu) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất 1/2 (một nửa) so với số đầu kỳ;
 - c. Khi số thành viên của HĐQT, BKS ít hơn số thành viên mà pháp luật quy định hoặc số thành viên của HĐQT bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số thành viên quy định trong Điều lệ. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;
 - e. BKS yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu BKS có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ và trách nhiệm của họ theo Điều 164 và Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường
 - a. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, BKS còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này. Trường hợp HĐQT không triệu tập

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

- hợp ĐHĐCĐ theo quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;
- b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;
 - c. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
 - d. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ.
5. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp ĐHĐCĐ:
- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Chuẩn bị dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; Lập danh sách đính kèm thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên HĐQT, Kiểm soát viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của công ty;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
6. Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ sẽ do Công ty chi trả, tuy nhiên, các chi phí này sẽ không bao gồm các khoản mà các cổ đông phải chịu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, bao gồm chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí khác của cổ đông.

Điều 19. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. ĐHĐCĐ thường niên phải thảo luận và thông qua:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

- c. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
 - d. Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và của từng Kiểm soát viên;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.
2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có quyền quyết định thông qua về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ nêu tại khoản 1 Điều này và các vấn đề sau đây:
- a. Thông qua các báo cáo tài chính hằng năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ;
 - c. Số lượng thành viên của HĐQT, BKS;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và BKS;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định bất kỳ giao dịch nào về đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - m. Công ty mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - n.
 - o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - p. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - q. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

- r. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được quyền biểu quyết trong các trường hợp là cổ đông sáng lập có nhu cầu chuyển nhượng cổ phần cho người không phải cổ đông sáng lập trong vòng 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 20. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân hoặc là cá nhân đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức đã được xác lập theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này có đủ điều kiện tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ có thể trực tiếp tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ.
2. Trong trường hợp pháp nhân được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ thì phải cử cá nhân có đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn như quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ này để dự họp ĐHĐCĐ.
3. Cổ đông là tổ chức không có đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này thì có quyền ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân dự họp ĐHĐCĐ. Việc ủy quyền cho cá nhân được thực hiện tương tự như quy định tại Điều 17 Điều lệ này; việc ủy quyền cho pháp nhân phải được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Số lượng cá nhân được nhận đại diện theo ủy quyền hoặc được cử theo quy định tại Điều này được quy định như sau:
 - a. Người ủy quyền nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục 06 (sáu) tháng trở lên có thể ủy quyền tối đa 03 (ba) người đại diện. Trường hợp người ủy quyền nắm giữ dưới 10% cổ phần phổ thông của Công ty hoặc từ 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên chưa đủ thời hạn liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên thì chỉ được cử tối đa 01 (một) người đại diện theo ủy quyền
 - b. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp; không phải là người đang bị khởi tố, điều tra hoặc đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng chưa được xóa án tích; hoặc không phải là người đang có tranh chấp về quyền, lợi ích với Công ty hoặc tranh chấp với người quản lý của Công ty.
 - c. Trường hợp cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.



Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

5. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này hoặc theo mẫu của Công ty và phải đáp ứng điều kiện sau đây:
- a. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người ủy quyền và số cổ phần, loại cổ phần mà mình sở hữu; trường hợp người ủy quyền là người đại diện của cổ đông là tổ chức thì phải nêu rõ tên, mã số doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập, thông tin pháp lý của tổ chức đó, số cổ phần, loại cổ phần của tổ chức đó và số cổ phần, loại cổ phần mà người ủy quyền dự họp được đại diện cho tổ chức đó;
 - (ii) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - (iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;
 - (iv) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
- b. Trường hợp cổ đông cá nhân ủy quyền cho cá nhân khác thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp; văn bản ủy quyền phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký (trừ trường hợp văn bản ủy quyền lập theo biểu mẫu của Công ty phát hành). Trường hợp cổ đông là cá nhân ủy quyền cho pháp nhân thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và con dấu (nếu có) của pháp nhân đó.
- c. Trường hợp cổ đông là tổ chức hoặc pháp nhân là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức cử người đại diện theo ủy quyền hoặc cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức thực hiện việc ủy quyền thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của người có thẩm quyền, phải có đóng dấu của tổ chức đó (nếu có) và phải có chữ ký của cá nhân được đại diện theo ủy quyền.
6. Văn bản ủy quyền phải được gửi, nộp cho Công ty trong thời hạn do Công ty quy định hoặc tại thời điểm làm thủ tục đăng ký dự họp để công ty tiến hành kiểm tra tư cách cổ đông.
7. Những người được ủy quyền cho cùng một cổ đông để dự họp ĐHĐCĐ có thể có ý kiến khác nhau đối với cùng một vấn đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ tương ứng với số cổ phần mà mình đại diện. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ không được ủy quyền lại cho người khác, đồng thời không được thực hiện hành vi không thuộc phạm vi được ủy quyền hoặc vượt quá phạm vi được ủy quyền.
8. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

- a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước 36 (ba mươi sáu) giờ so với thời điểm khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc thời điểm cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập lại.

9. Người đại diện theo uỷ quyền hợp lệ của cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Công ty có quyền căn cứ vào thông tin trong văn bản uỷ quyền để thu xếp các hoạt động của Công ty (bao gồm việc xác định tỷ lệ tham dự tối thiểu cho cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc biểu quyết để thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ). Cổ đông sẽ bị ràng buộc bởi việc thực hiện hoặc không thực hiện của đại diện theo uỷ quyền được chỉ định hợp lệ của mình và mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo uỷ quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại ĐHĐCĐ đều không có hiệu lực đối với Công ty và bên thứ ba, trừ khi giới hạn đó được nêu rõ trong văn bản uỷ quyền.
10. Người đại diện theo uỷ quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của ĐHĐCĐ; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được uỷ quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông uỷ quyền. Người đại diện theo uỷ quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông uỷ quyền; cổ đông uỷ quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo uỷ quyền.
11. Việc chỉ định đại diện theo uỷ quyền không phù hợp với quy định tại Điều này được xem là không hợp lệ và không xác lập tư cách đại diện theo uỷ quyền của những người được chỉ định. Cổ đông phải tự chịu trách nhiệm và hậu quả về việc cử đại diện theo uỷ quyền không hợp lệ, không đúng quy định.

Điều 21. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của ĐHĐCĐ về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi sẽ chỉ có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định về các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ và thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được quy định tại Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 22. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ hoặc ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 18 Điều lệ này.
2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp; Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp.
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 3 Điều này trong các trường hợp sau:
 - a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất từ 5% trở lên cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua.
5. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ:
 - a. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).
 - b. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của công ty; tên, địa chỉ của cổ đông, thời gian, địa điểm họp; địa chỉ trang thông tin điện tử đăng tải tài liệu sử dụng trong cuộc họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
 - c. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.
 - d. Các tài liệu sau đây phải được gửi kèm theo Thông báo mời họp hoặc được thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty (phải nêu rõ đường link, nơi đăng tải tài liệu): a) Chương trình họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; b) Phiếu biểu quyết; c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; d) Các tài liệu khác được sử dụng tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Công ty sẽ gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông có yêu cầu.

Điều 23. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, ĐHĐCĐ lần thứ ba có

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Việc tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ theo phương thức nêu tại điểm c, d khoản này chỉ được thực hiện khi có cổ đông đăng ký trước khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ ít nhất 7 (bảy) ngày làm việc và do người triệu tập họp ĐHĐCĐ quyết định căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty, điều kiện tổ chức cuộc họp. Trường hợp không tổ chức được cho cổ đông tham dự và biểu quyết theo phương thức nêu tại điểm c, d khoản này thì người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thông báo cho cổ đông đã đăng ký họp theo phương thức đó biết trước ít nhất 03 (ba) ngày trước thời điểm khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 24. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt tại thời điểm khai mạc (như đã nêu trong thông báo mời họp) đăng ký hết. Cổ đông có mặt sau thời điểm khai mạc sẽ thực hiện đăng ký sau theo quy định tại khoản 2 Điều này. Việc đăng ký dự họp cho cổ đông được thực hiện thông qua Ban Thẩm tra tư cách cổ đông do HĐQT hoặc người triệu tập cuộc họp quyết định thành lập trước cuộc họp ĐHĐCĐ.
2. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký dự họp và có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
3. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng BKS điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

- b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
4. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ.
6. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự đúng theo chương trình cuộc họp đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
7. Người triệu tập cuộc họp có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà người triệu tập cuộc họp cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập cuộc họp sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia cuộc họp.
8. Người triệu tập cuộc họp, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:
- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.
 - d. Người triệu tập cuộc họp có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ khi đã có đủ số người đăng ký dự tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ dự định khai mạc.
11. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 10 Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều

hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 25. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Quyết định bất kỳ giao dịch nào về đầu tư hoặc bán tài sản hoặc các giao dịch khác liên quan đến hoạt động của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.
3. Việc bầu thành viên HĐQT và BKS được thực hiện theo phương thức thông thường (bầu theo nguyên tắc đa số) thông qua phiếu bầu cử với 03 (ba) lựa chọn tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến. Việc bầu sẽ thực hiện lần lượt theo từng ứng cử viên hoặc toàn bộ ứng cử viên; cổ đông thể hiện ý kiến của mình bằng việc lựa chọn vào nội dung tương ứng trên Phiếu bầu cử theo hướng dẫn tại Quy chế, Thệ lệ bầu cử đã được ĐHĐCĐ thông qua. Mỗi ý kiến của cổ đông được tính tỷ lệ trên toàn bộ số cổ phần của cổ đông đó. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
4. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông báo cho cổ đông bằng hình thức đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ lúc được ký ban hành.
5. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.



Điều 26. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Điều lệ này, kể cả các vấn đề sau đây:
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Định hướng phát triển công ty;
 - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Tổ chức lại, giải thể công ty
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:



- Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

- Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 27

Điều 27. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Người chủ trì ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHĐCĐ. Biên bản ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ kết thúc. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 28. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp

ĐHĐCĐ bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng 30 (ba mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 (năm) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác. HĐQT phải có tối thiểu 01 thành viên HĐQT không điều hành và 01 thành viên HĐQT độc lập. Thành viên HĐQT không điều hành có thể đồng thời là thành viên HĐQT độc lập nếu thỏa mãn các điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên, từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên, từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử.
4. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT (đương nhiên mất tư cách) khi xảy ra ít nhất một trong các sự kiện sau đây:
 - a. Thành viên đó không còn đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
 - b. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng mà không có sự chấp thuận của HĐQT và HĐQT quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của ĐHĐCĐ.

5. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Thù lao của thành viên HĐQT mới được tính tương tự như thành viên HĐQT đã bị mất tư cách.

Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Trường hợp Thành viên Hội đồng quản trị gửi đơn từ chức bằng văn bản đến trụ sở chính của Công ty, việc từ chức không đương nhiên làm chấm dứt tư cách Thành viên Hội đồng quản trị. Tư cách Thành viên Hội đồng quản trị chỉ chấm dứt kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông gần nhất miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian kể từ khi Công ty nhận được đơn từ chức đến Đại hội đồng cổ đông gần nhất miễn nhiệm, Thành viên Hội đồng quản trị tiếp tục có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ và Luật doanh nghiệp.

Thành viên Hội đồng quản trị đã gửi đơn từ chức được quyền rút lại đơn từ chức. Việc rút đơn chỉ được xem xét hợp lệ khi được thực hiện trước thời điểm triệu tập Đại hội đồng cổ đông để thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị và phải được HĐQT chấp thuận Đơn rút đơn từ chức.

Điều 30. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. HĐQT lựa chọn trong số thành viên HĐQT để bầu ra 01 (một) Chủ tịch và 01 (một) Phó Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty.
2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - 2.1. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - c. Thay mặt HĐQT ký các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT;
 - d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của HĐQT;
 - e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT;
 - f. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, cuộc họp HĐQT;
 - g. Thay mặt HĐQT ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;
 - h. Quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT, Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
 - 2.2. Phó Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Quyền và nghĩa vụ với tư cách là thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 31 Điều lệ này.

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

- b. Thay mặt Chủ tịch HĐQT thực hiện các công việc được Hội đồng Quản trị phân nhiệm hoặc được Chủ tịch HĐQT ủy quyền theo Khoản 3 Điều này.
 - c. Trong trường hợp được ủy quyền của Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT được phép thay mặt HĐQT ký các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT.
 - d. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình nhiệm vụ mà chưa thực hiện ủy quyền bằng văn bản, Phó Chủ tịch đương nhiên được thay mặt Chủ tịch HĐQT để thực hiện tất cả nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT.
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT, Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp
3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên HĐQT khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình mà không có thành viên được ủy quyền thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số.
4. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHĐCĐ.
5. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.
6. Trường hợp Chủ tịch HĐQT là thành viên bị mất tư cách thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Điều lệ này thì đương nhiên bị mất tư cách Chủ tịch HĐQT, không còn quyền hạn của Chủ tịch HĐQT kể từ thời điểm không còn tư cách thành viên HĐQT. Một, một số hoặc các thành viên HĐQT còn lại được quyền triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Chủ tịch HĐQT bị mất tư cách thành viên HĐQT để hoàn tất thủ tục bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT đã bị mất tư cách và bầu Chủ tịch HĐQT mới.

Trường hợp hết thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Chủ tịch HĐQT bị mất tư cách thành viên HĐQT mà không có thành viên nào triệu tập họp HĐQT thì trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày hết hạn đó, BKS phải triệu tập họp HĐQT. Các thành viên HĐQT, BKS chịu trách nhiệm liên đới trong trường hợp không triệu tập họp HĐQT trong trường hợp này.

Điều 31. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. HĐQT là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
- a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
 - c. Trực tiếp bổ nhiệm; bãi nhiệm và quyết định mức lương của các cán bộ quản lý Công ty hoặc đưa ra những quyết định này theo đề nghị của Tổng Giám đốc;
 - d. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
 - e. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - f. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - g. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được ĐHĐCĐ uỷ quyền;
 - h. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - i. Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - k. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - l. Thay đổi biểu tượng (logo) của Công ty;
 - m. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty;
 - n. Tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị;
 - o. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty;
 - p. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
 - q. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - r. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - g. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - h. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - i. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - j. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm o khoản 2 Điều 19 Điều lệ này;
 - k. Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
5. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho ĐHĐCĐ, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và

các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
10. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

Điều 32. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ cao nhất ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp 01 (một) lần.
3. Chủ tịch HĐQT triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - b. Ít nhất 02 (hai) thành viên HĐQT (không phân biệt thành viên HĐQT độc lập, điều hành hay không điều hành);
 - c. Ban kiểm soát.
4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp HĐQT được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT.
7. Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị;

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện hoặc fax hoặc thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn $\frac{1}{2}$ (một nửa) số thành viên HĐQT dự họp.

9. Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có 01 (một) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Trong trường hợp này, nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên có quyền biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập cuộc họp (nếu không có Chủ tịch HĐQT).
- c. Theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ.

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho một cá nhân dự họp (điều kiện, tiêu chuẩn tương tự như trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ này) và nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%) (trừ trường hợp tại điểm b khoản 9 Điều này). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

12. Chủ tịch HĐQT có thể tiến hành việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để quyết định thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT khi xét thấy cần thiết. Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản phải được gửi kèm cùng dự thảo nghị quyết HĐQT và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng thành viên HĐQT trước 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày hết hạn nhận phiếu. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

13. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c. Thời gian, địa điểm họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và thư ký ghi biên bản.

Chủ tọa và thư ký ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

14. HĐQT có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.
15. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót..

Điều 32a. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j. k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và trực thuộc sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có 01 (một) Tổng Giám đốc, các Phó tổng giám đốc, một Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết HĐQT được thông qua một cách hợp thức.

Điều 34. Người quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do HĐQT đề xuất tùy từng thời điểm. Người quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

3. Tổng giám đốc được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi hợp lý khác khi thực hiện trách nhiệm Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động của Công ty.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.
3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của HĐQT, và quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - d. Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - f. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - g. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.
4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
5. HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

6. Giám đốc, Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

Điều 36. Thư ký Công ty

HĐQT chỉ định 01 (một) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS.
2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
3. Tham dự và ghi chép Biên bản các cuộc họp.
4. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS khi có yêu cầu.
5. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Thành viên Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên BKS của Công ty là 03 thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm; thành viên Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;
 - b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - c. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - d. Không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
 - e. Không phải là người có liên quan với các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

- f. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.
3. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. BKS phải chỉ định 01 (một) thành viên làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:
- a. Triệu tập cuộc họp BKS;
 - b. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;
 - c. Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.
4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên, từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên, từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên.
5. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.
6. Các thành viên của BKS do ĐHĐCĐ bầu.
7. Thành viên BKS bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên BKS;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của BKS có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của BKS liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng, không được sự chấp thuận của BKS và BKS ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - f. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

g. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định.

Việc xử lý đối với thành viên BKS, Trưởng BKS bị mất tư cách thành viên được áp dụng tương tự như trường hợp thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT mất tư cách thành viên HĐQT được quy định tại Điều lệ này.

Điều 38. Ban Kiểm soát

1. Công ty phải có BKS và BKS có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những trách nhiệm và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Đề xuất, kiến nghị ĐHCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;
 - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
 - g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận; và
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;
 - i. Thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Ban kiểm soát.
 - j. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
 - k. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
 - l. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông.
 - m. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- n. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT phải được cung cấp cho thành viên BKS vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT.
 3. BKS có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của BKS và cách thức hoạt động của BKS. BKS phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 02 (hai) người. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
 4. Mức thù lao của các thành viên BKS do ĐHĐCĐ quyết định. Thành viên của BKS được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của BKS hoặc thực thi các hoạt động khác của BKS.

X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh sau đã được ĐHĐCĐ chấp thuận:

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

- a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức (trừ trường hợp tổ chức là cổ đông của công ty đại chúng quy định tại khoản 2 Điều này) là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty.
 - b. Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
 - d. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm b khoản này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty..
4. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
 5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên HĐQT, thành viên BKS, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 29 và Khoản 4 Điều 37 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

483-C
Y
N
INGS
CHI M

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
- 2.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu

Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHĐCĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. ĐHĐCĐ thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
- 2.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. HĐQT quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. HĐQT, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;
 - e. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ ít nhất 07 (bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của HĐQT.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. 02 (hai) thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và 01 (một) thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự ưu tiên như sau:
 - a. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - b. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - c. Các chi phí thanh lý;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (f) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp, Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.



Điều lệ Công ty Cổ phần PGT Holdings

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ được sửa đổi, bổ sung này được thông qua tại ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026 và có hiệu lực kể từ thời điểm được thông qua.
2. Điều lệ được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. 02 (hai) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
 - b. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký người đại diện theo pháp luật của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



KAKAZU SHOGO

1527483
CÔNG TY
CỔ PHẦN
PGT HOLDINGS
HỒ CHÍ MINH

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CỦA CÔNG TY

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Công ty Cổ phần Gas Petrolimex	Tầng 20 Tòa nhà Mipec - 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	2.036.227	Ông Trần Văn Thanh Ông Hoàng Anh
Công ty Xăng dầu Khu vực II	15 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	1.113.218	Ông Nguyễn Việt Cường Ông Trịnh Bá Bộ Ông Trần Văn Thắng
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	118 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	666.056	Ông Phạm Chí Giao
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	11 ngách 54, Ngõ Gia Tự, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, TP. Hà Nội	573.432	Ông Bùi Văn Thành

